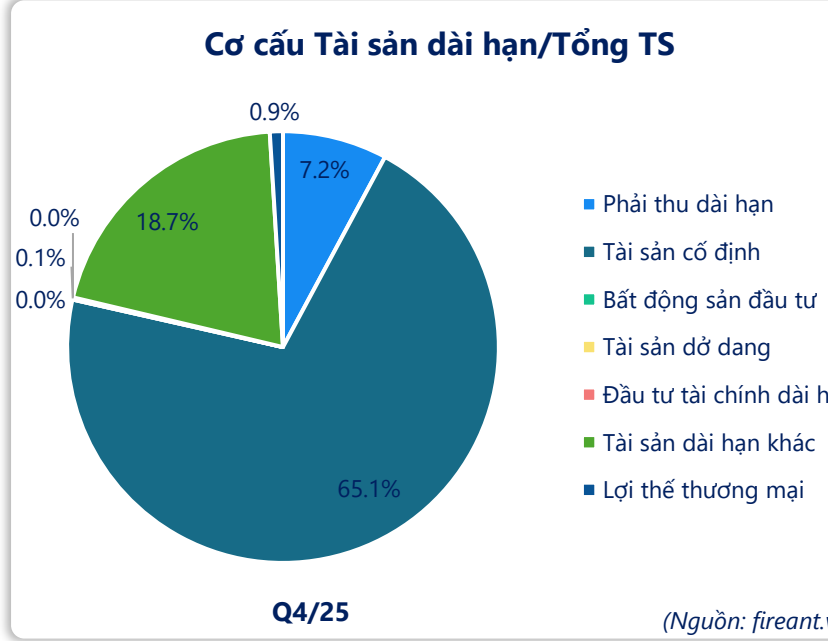
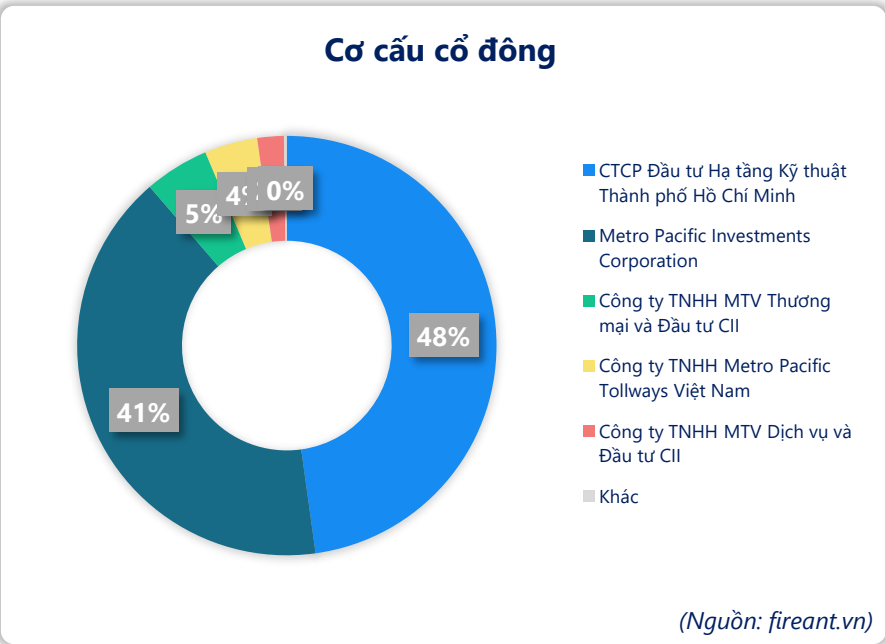
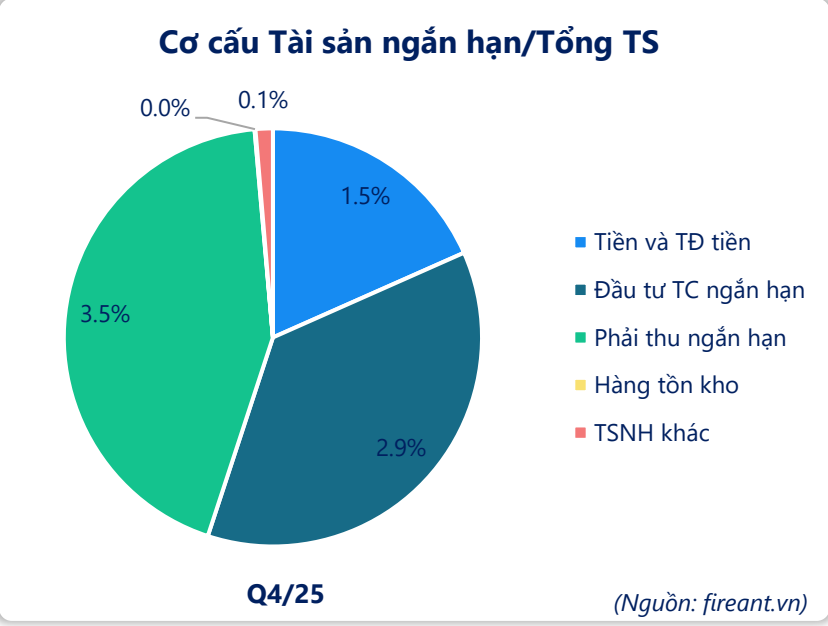
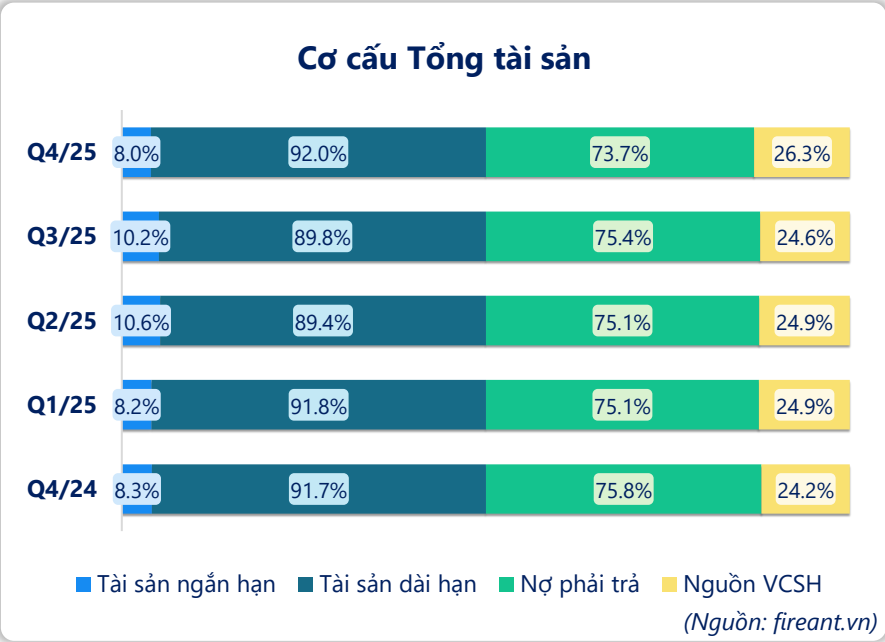
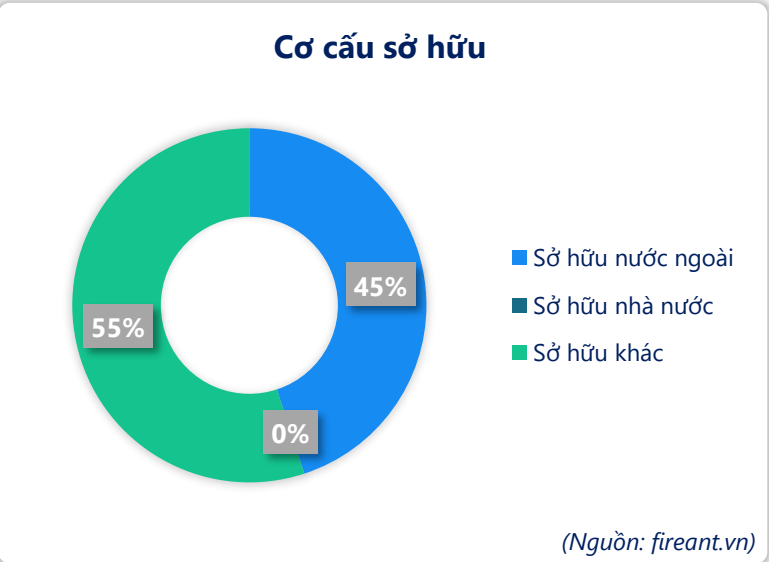
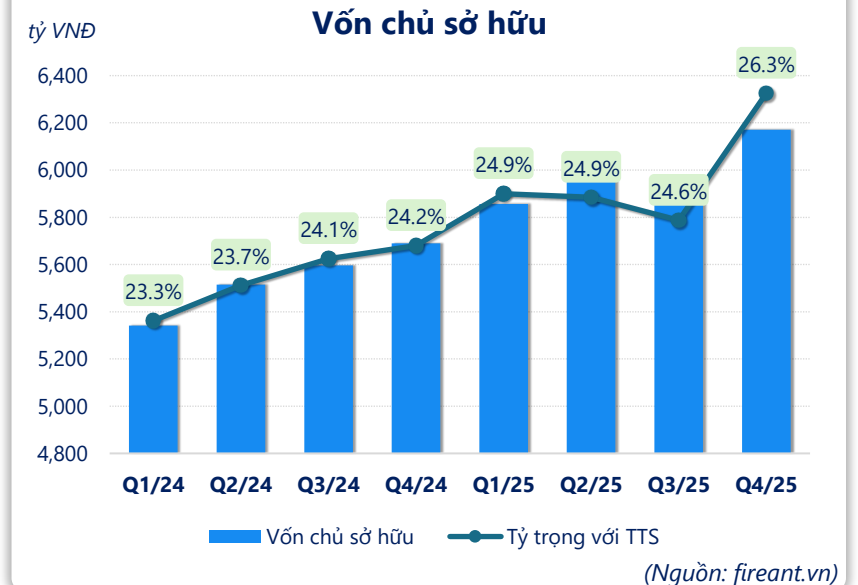
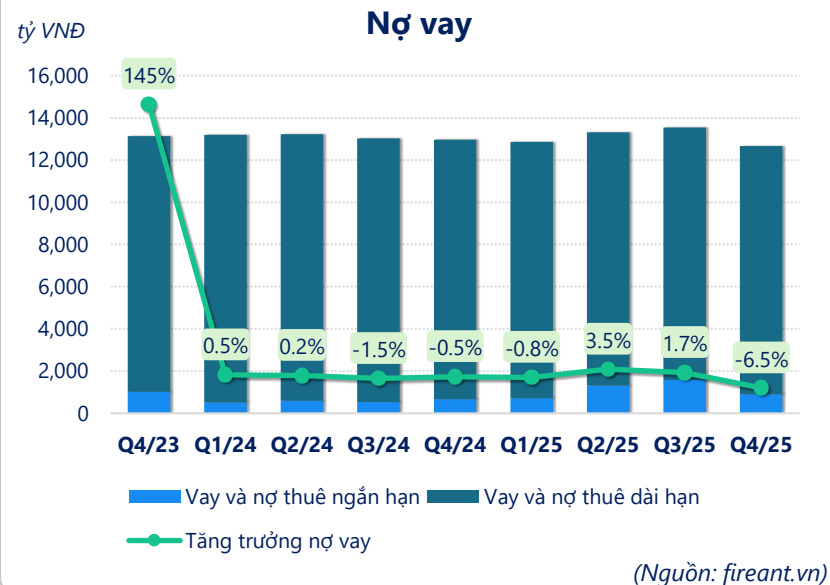
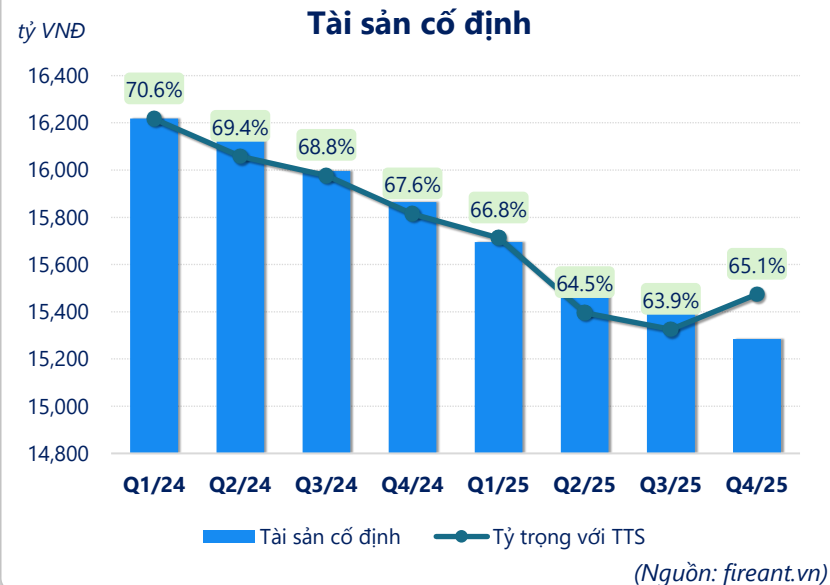
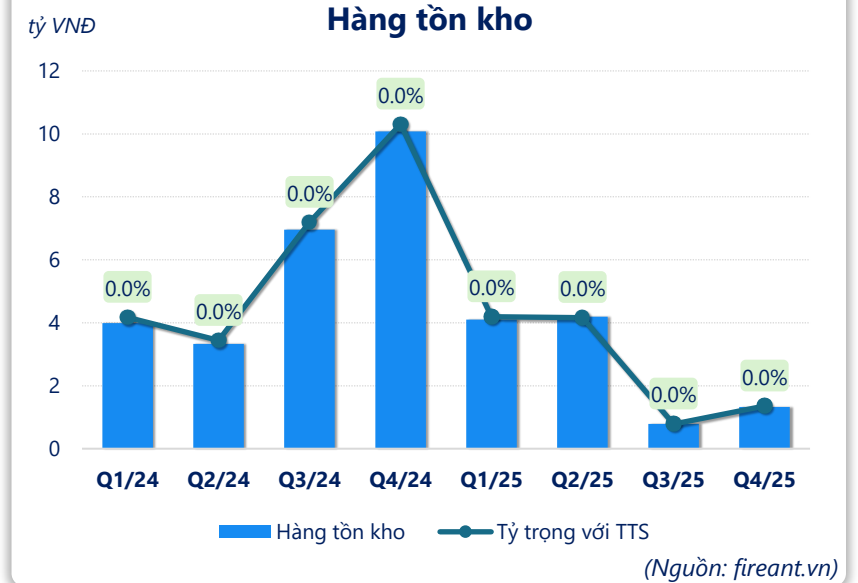
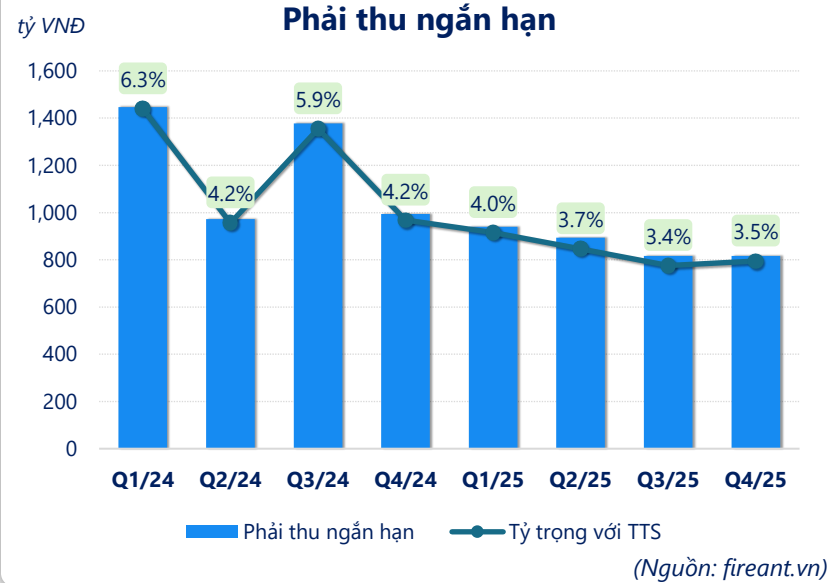
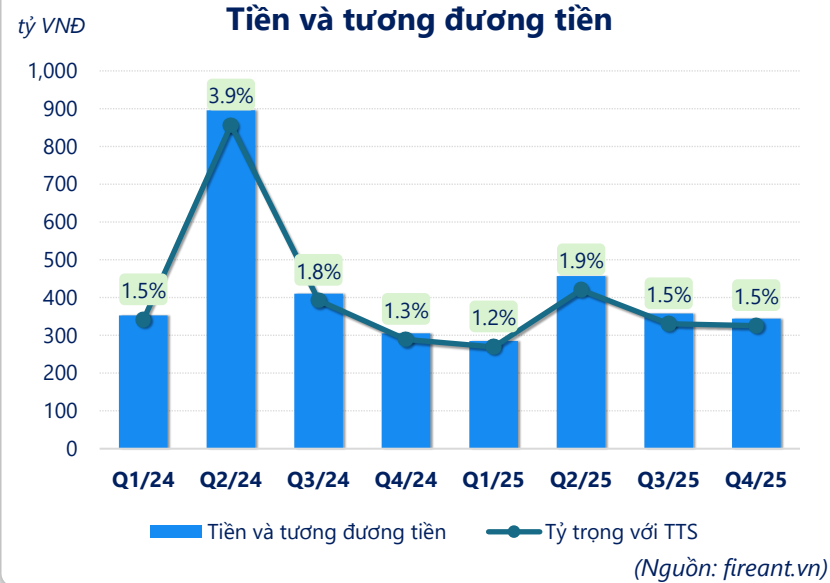
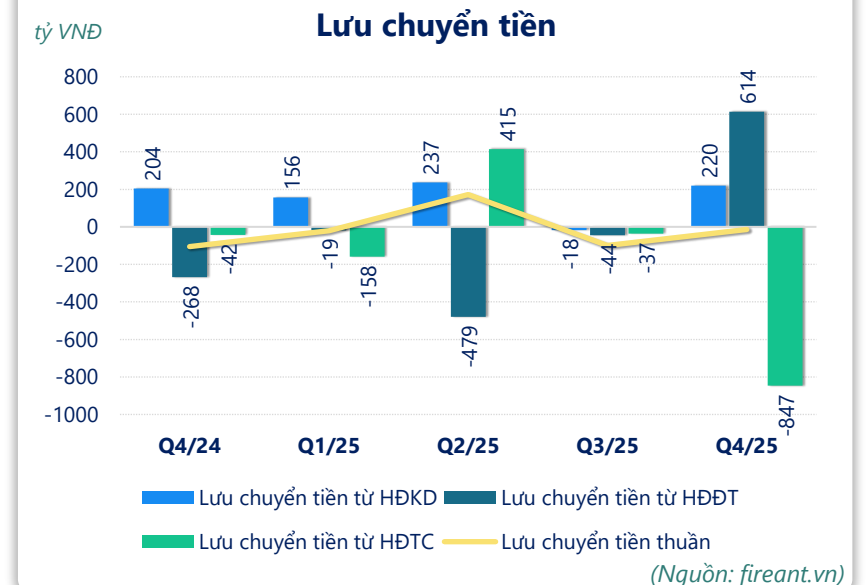
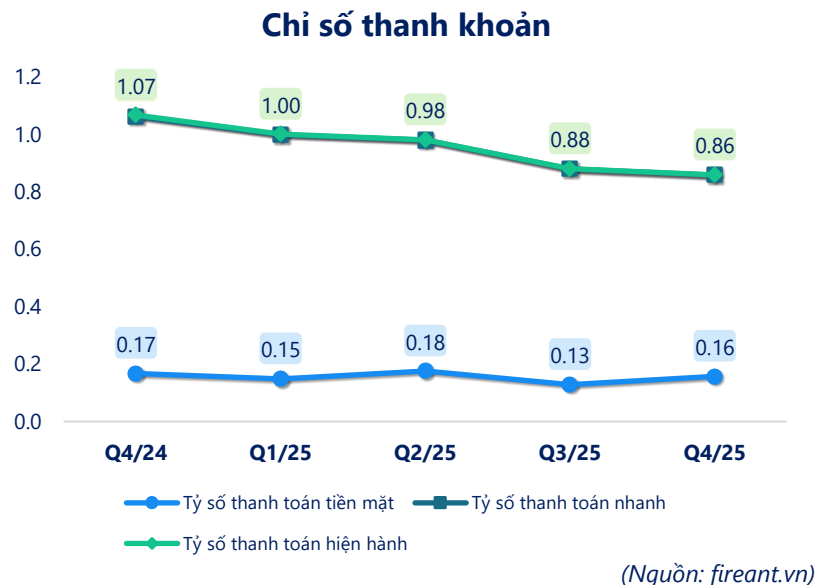
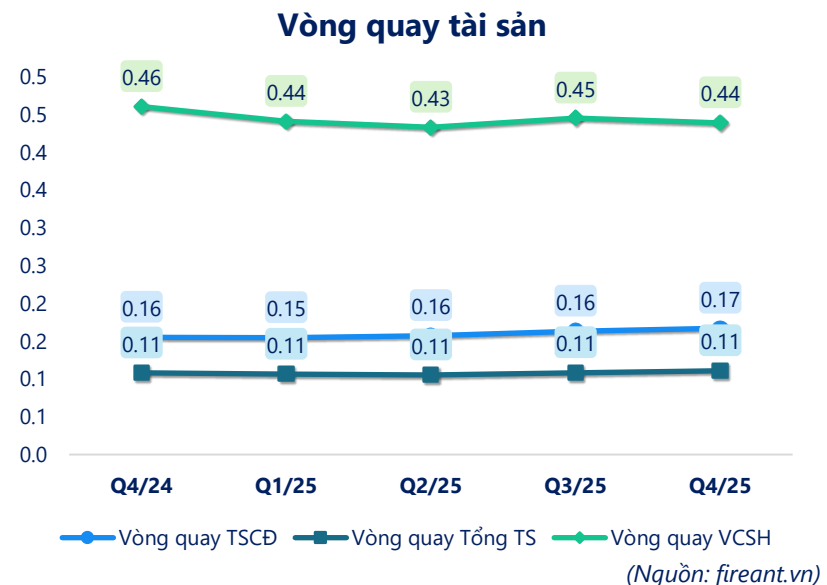
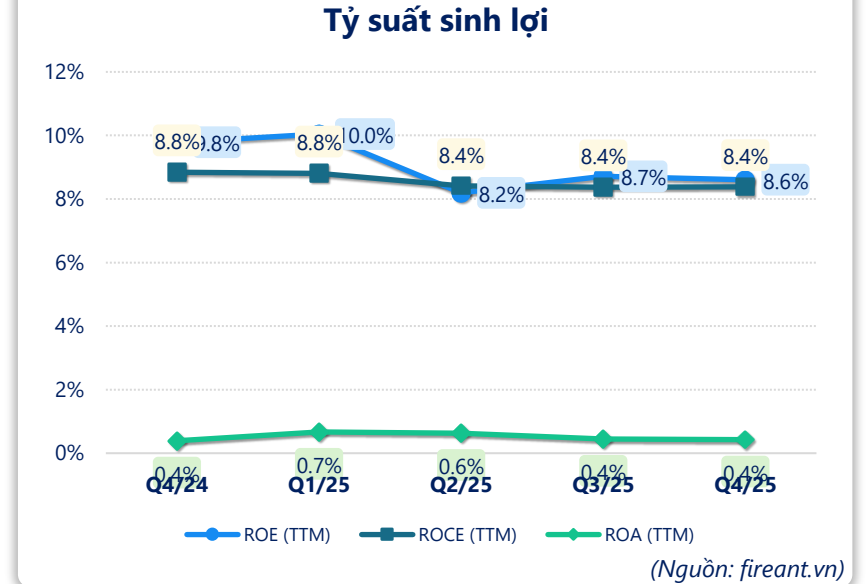
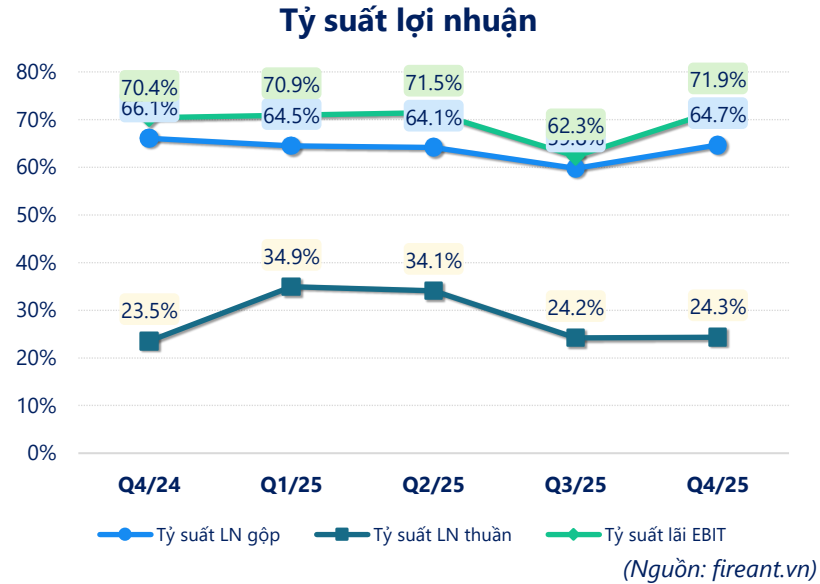
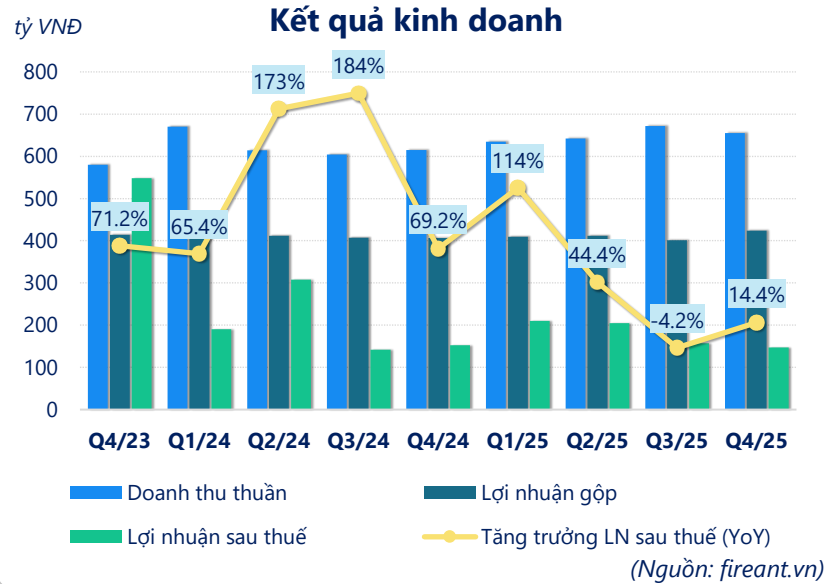


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		52,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		64,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		42,256
SL cổ phiếu LH		212,130,308
KLGD BQ 20 phiên (CP)		137,325
% sở hữu nước ngoài		45.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		11,052
P/E		21.6
EPS		2,407

	YTD	1T	3T	6T
LGC	-15.8%	-18.0%	-9.4%	-5.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	23,495	23,464	0.1%
Tài sản ngắn hạn	1,875	1,943	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	344	305	12.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	688	624	10.2%
Phải thu ngắn hạn	817	992	-17.7%
Hàng tồn kho	1.33	9.50	-86.0%
Tài sản ngắn hạn khác	25.0	11.2	123%
Tài sản dài hạn	21,620	21,521	0.5%
Phải thu dài hạn	1,695	1,470	15.3%
Tài sản cố định	15,284	15,864	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	34.9	36.9	-5.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4,393	3,904	12.5%
Lợi thế thương mại	212	246	-13.7%
Nợ phải trả	17,324	17,779	-2.6%
Nợ ngắn hạn	2,185	1,762	24.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	894	601	48.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	343	390	-12.1%
Nợ dài hạn	15,139	16,017	-5.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	11,766	12,367	-4.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,171	5,685	8.6%
Vốn chủ sở hữu	6,171	5,685	8.6%
Vốn điều lệ	2,121	1,929	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	615	635	642	672	655
Giá vốn hàng bán	209	226	230	270	232
Lợi nhuận gộp	406	409	412	401	424
Doanh thu HĐTC	128	113	119	83.6	123
Chi phí TC	291	231	242	252	314
Chi phí lãi vay	288	229	240	249	311
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	32.8	30.4	31.2	33.3	27.2
Chi phí QLDN	65.4	38.8	38.2	37.6	46.6
LN thuần từ HĐKD	145	222	219	162	160
Lợi nhuận khác	-0.07	-0.09	-0.15	6.82	0.61
LN trước thuế	145	222	219	169	160
Lợi nhuận sau thuế	152	210	205	157	147
LNST của CĐ cty mẹ	90.9	155	150	106	99.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	204	156	237	-17.9	220
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-268	-18.9	-479	-44.0	614
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-42.1	-158	415	-36.9	-847
Tiền đầu kỳ	411	305	285	457	358
Lưu chuyển tiền thuần	-105	-20.9	172	-98.7	-13.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	305	285	457	358	344

(Nguồn: fireant.vn)